



Trung tâm Tin học và
Thống kê

Cục Chế biến và Phát triển
thị trường nông sản

Viện Chính sách và Chiến
lược Phát triển nông nghiệp
nông thôn

THÔNG TIN THAM KHẢO ĐỊNH KỲ VỀ THỊ TRƯỜNG NÔNG SẢN THÁNG 1/2020

1

Kim ngạch xuất khẩu nông lâm thủy sản tháng 1 năm 2020 ước đạt 3 tỷ USD, giảm 15,7% so với cùng kỳ năm 2019. Trong đó, giá trị xuất khẩu các mặt hàng nông sản chính ước đạt gần 1,3 tỷ USD, giảm 22,5%; Giá trị xuất khẩu thủy sản ước đạt 644 triệu USD, giảm 12,5%; Giá trị xuất khẩu chăn nuôi ước đạt 42 triệu USD, giảm 6,4%; Giá trị xuất khẩu các mặt hàng lâm sản chính ước đạt 883 triệu USD, giảm 15,6%. Năm 2019, bốn thị trường xuất khẩu các mặt hàng nông lâm thủy sản chính của Việt Nam là Trung Quốc, Mỹ, Nhật Bản và Hàn quốc chiếm thị phần lần lượt là 27,5% (giá trị giảm 0,6% so với năm 2018), 22,6% (tăng 15,9%), 8,9% (tăng 7,8%) và 6,0% (giảm 9,4%). Trong khi đó, giá trị nhập khẩu nông, lâm, thủy sản tháng 1 năm 2020 ước đạt 2,74 tỷ USD, giảm 0,4% so với cùng kỳ năm 2019. Trong đó, giá trị nhập khẩu các mặt hàng nông lâm thủy sản chính ước đạt gần 2,37 tỷ USD, tăng 3,4%.

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG MỘT SỐ NÔNG SẢN CHỦ LỰC

1. Lúa gạo:

Khối lượng gạo xuất khẩu tháng 1 năm 2020 ước đạt 420 nghìn tấn với giá trị đạt 203 triệu USD, giảm 2,5% về khối lượng nhưng tăng 5,4% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019. Năm 2019, giá gạo xuất khẩu bình quân của Việt Nam đạt 441 USD/tấn, giảm 13% so với năm 2018. Philippin đứng vị trí thứ nhất về thị trường xuất khẩu gạo của Việt Nam trong năm 2019 với 31,5% thị phần.

Trên thị trường thế giới, tháng 1/2020 giá gạo xuất khẩu Ấn Độ đạt mức cao mới sau gần 4 tháng nhờ nhu cầu tiêu thụ tăng mạnh từ châu Phi, trong bối cảnh dự đoán giá gạo châu Á tiếp tục tăng do hạn hán kéo dài tại Thái Lan khiến nguồn cung bị thắt chặt. Trong tháng 1, giá xuất khẩu gạo Thái Lan đạt mức cao hơn 20 tháng trước khi giảm vào cuối tháng. Giá gạo tiêu chuẩn 5% tấm của Thái Lan giảm xuống còn

432- 453 USD/tấn vào cuối tháng 1, sau khi đạt mức cao 440 – 460 USD/tấn - đây là mức cao nhất kể từ tháng 6/2017. Gạo đỏ 5% tấm của Ấn Độ tăng lên mức cao nhất kể từ tuần đầu tiên của tháng 10/2019, đạt mức 369 - 373 USD/tấn, so với 362 - 366 USD/tấn đầu tháng. Giá gạo 5% tấm của Việt Nam ở mức 345 USD/tấn, giảm so với mức 355 USD/tấn đầu tháng. Người mua có xu hướng trì hoãn mua vào để chờ gạo mới từ vụ thu hoạch Đông Xuân sắp tới.

Giá lúa, gạo tại khu vực Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) diễn biến giảm trong tháng 1/2020. Theo hệ thống cung cấp giá tại địa phương, tại An Giang, lúa IR50404 ở mức 4.500 đ/kg, giảm 200 đ/kg so với trước Tết; lúa OM 5451 ở mức 5.400 đ/kg, ổn định; lúa OM 6976 ở mức 4.700 đ/kg, giảm 300 đ/kg; gạo thường ở mức 10.000 đ/kg; gạo thơm đặc sản jasmine ở mức 14.500 đ/kg, ổn định so với trước Tết. Tại Vĩnh Long, lúa IR50404 ở mức 4.800 đ/kg (lúa ướt), lúa khô giảm 300 đ/kg xuống còn 5.000 đ/kg, lúa hạt dài giảm 100 đ/kg xuống 5.400 đ/kg (lúa ướt), lúa khô giảm 400 đ/kg xuống 5.400 đ/kg. Tại Bạc Liêu, nông dân đang thu hoạch lúa Thu Đông 2019 và lúa mùa 2019/2020, lúa Đài Thơm 8 giữ ở mức 5.300 – 5.400 đ/kg, lúa OM 5451 ở mức 5.100 – 5.200 đ/kg, ổn định so với trước Tết; lúa tài nguyên mới có giá 7.000 – 7.250 đ/kg. Tại Kiên Giang, lúa IR50404 ở mức 5.400 đ/kg; lúa OM 4218 ở mức 5.900 – 6.000 đ/kg; lúa OM 6976 ở mức 6.000 – 6.200 đ/kg, đều ổn định so với trước Tết.

2

Về chủng loại xuất khẩu, trong năm 2019, giá trị xuất khẩu gạo trắng chiếm 46,0% tổng kim ngạch; gạo jasmine và gạo thơm chiếm 40,0%; gạo nếp chiếm 7,5%; và gạo japonica và gạo giống Nhật chiếm 6,3%. Các thị trường xuất khẩu gạo trắng lớn nhất của Việt Nam là Phillipines (47,3%), Malaysia (11,7%) và Cuba (11,2%). Với gạo Jasmine và gạo thơm, thị trường xuất khẩu lớn nhất là Phillipines (21,3%), Bờ Biển Ngà (17,7%) và Ghana (14,5%). Về gạo nếp, thị trường xuất khẩu lớn là Trung Quốc (51,8%), Phillipines (18,2%) và Malaysia (11,0%). Với gạo Japonica và gạo giống Nhật, thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam là Singapore (16,8%), Hàn Quốc (10,8%), và Papua New Guinea (8,4%).

Dự báo xuất khẩu gạo Thái Lan trong năm 2020 sẽ đạt khoảng 7,5 triệu tấn, mức thấp nhất trong vòng 7 năm gần đây kể từ năm 2013 với 6,6 triệu tấn. Dự báo tiêu cực này được đưa ra khi Thái Lan không đạt được kế hoạch đề ra đầu năm 2019 là 9,5 triệu tấn, mà chỉ xuất khẩu được 7,8 triệu tấn, đạt 82% kế hoạch. Đây cũng là năm thứ hai liên tiếp xuất khẩu gạo Thái Lan giảm kể từ năm 2017 khi đạt mức đỉnh là 11,6 triệu tấn. Sự sụt giảm đáng kể này có nguyên nhân chính là do tỷ giá đồng bath duy trì mức cao, cụ thể tăng 9% so với đồng đô la Mỹ trong năm 2019 so với trước đó. Tuy nhiên, vào khoảng cuối tháng 1/2020 khi dịch bệnh Corona (Covid-19) bùng phát gây ảnh hưởng đến ngành du lịch – ngành kinh tế mũi nhọn của nước này, tỷ giá đồng bath

đang có xu hướng giảm giá, khiến cho giá gạo xuất khẩu có xu hướng giảm và xuất khẩu có thể tăng nhẹ trở lại. Tuy nhiên ngành lúa gạo Thái Lan cũng đang đối mặt với khó khăn lớn khác là vấn đề hạn hán và ngập mặn đang diễn ra nghiêm trọng có thể gây ảnh hưởng lớn đến sản lượng lúa gạo. Theo Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA) dự báo tổng sản lượng gạo xay xát của Thái Lan đạt 18,5 triệu tấn trong năm nay, giảm 9% so với năm ngoái.

Dịch bệnh Covid-19 đang diễn ra mạnh ở Trung Quốc đã gây ra sự gián đoạn giao thương hàng nông sản giữa Việt Nam và Trung Quốc, trong đó có mặt hàng gạo. Tuy nhiên do trong một năm gần xuất khẩu gạo của Việt Nam sang Trung Quốc đã giảm mạnh so với vài năm trước, nhiều doanh nghiệp đã phải tính đến kế hoạch đa dạng hóa thị trường, nên ảnh hưởng của dịch bệnh đến thương mại gạo mặc dù lớn nhưng có thể sẽ không quá nghiêm trọng.

2. Rau quả

Giá trị xuất khẩu rau quả tháng 1 năm 2020 ước đạt 300 triệu USD, giảm 15,2% so với cùng kỳ năm 2019. Trung Quốc đứng vị trí thứ nhất về thị trường xuất khẩu rau quả của Việt Nam trong năm 2019 với 64,8% thị phần. Xuất khẩu rau quả sang thị trường này trong 2019 đạt 2,43 tỷ USD, giảm 13,6% so với cùng kỳ năm 2018. Tiếp đến là Hoa Kỳ đạt 150 triệu USD (chiếm 4%), tăng 7,2%; Hàn Quốc đạt 132,3 triệu USD (chiếm 3,5%), tăng 16%; Nhật Bản đạt 122,5 triệu USD (chiếm 3,3%), tăng 16,1%; Hà Lan đạt 79,8 triệu USD (chiếm 2,1%), tăng 32,7% ... so với cùng kỳ năm 2018. Năm 2019, các thị trường có giá trị xuất khẩu rau quả tăng mạnh là Lào (gấp 7,6 lần), Hồng Kông (gấp 3,4 lần), Đài Loan (tăng 77,1%) và Thái Lan (tăng 66,2%). Kim ngạch xuất khẩu giảm do nhiều mặt hàng xuất khẩu chính giảm như: sầu riêng đạt 280,9 triệu USD (chiếm 7,5%), giảm 2%; măng cụt đạt 168,7 triệu USD (chiếm 4,5%), giảm 1,8%; dứa đạt 160,7 triệu USD (chiếm 4,3%), giảm 17,2%; dưa hấu đạt 61,8 triệu USD, giảm 26%; ớt đạt 73 triệu USD, giảm 41,3%; nấm hương đạt 58 triệu USD, giảm 55,9% ... so với cùng kỳ năm 2018.

Trong khi đó, ước giá trị nhập khẩu rau quả tháng 1/2020 đạt 158 triệu USD, giảm 9% so với cùng kỳ năm 2019, trong đó, mặt hàng rau ước đạt 41 triệu USD, tăng 5% so với cùng kỳ năm 2019 và mặt hàng quả ước đạt 127 triệu USD, giảm 3%. Năm 2019, Việt Nam nhập khẩu 1,78 tỷ USD rau quả, tăng 2% so với cùng kỳ năm 2018. Thái Lan là nguồn cung ứng rau quả nhập khẩu cho Việt Nam nhiều nhất, đạt 486,7 triệu USD, chiếm 27,4%, giảm 28,7% so với cùng kỳ năm 2018. Tiếp đến là Trung Quốc đạt 455,6 triệu USD, chiếm 25,6%, tăng 3,2%; Hoa Kỳ đạt 303,4 triệu USD, chiếm 17,1%, tăng 43,1%; ... so với cùng kỳ năm 2018.

Vào thời điểm gần Tết nhiều loại trái cây đã tăng giá như thanh long, dưa hấu... do nhu cầu tăng phục vụ ngày Tết trong nước cũng như từ thị trường Trung Quốc. Tuy nhiên, sau khi nghỉ Tết, do diễn biến phức tạp của nạn dịch virus viêm phổi cấp Covid-19 tại Trung Quốc, nhiều hàng hóa xuất khẩu trong đó có thanh long, dưa hấu, mít đã ách tắc tại cửa khẩu, giá các mặt hàng này có sụt giảm. Ngày 3/2/2020, Bộ Nông nghiệp và PTNT đã tổ chức Hội nghị thúc đẩy thương mại nông sản ứng phó với tình hình dịch bệnh Covid-19 tập trung nhiều giải pháp ứng phó trong ngắn hạn và dài hạn. Cùng với sự vào cuộc quyết liệt của Bộ, ngành trung ương và các địa phương, việc ách tắc tại cửa khẩu và tập trung tiêu thụ nội địa đã được giải quyết tích cực nhằm giảm thiểu tác động bất lợi cho doanh nghiệp và người dân trong thương mại hàng nông sản sang thị trường Trung Quốc.

3. Sản

Xuất khẩu sản và các sản phẩm từ sản tháng 1/2020 ước đạt 255 nghìn tấn tương đương với 88 triệu USD, giảm 6% về lượng và 11% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019. Giá xuất khẩu sản và sản phẩm sản bình quân tháng 1 năm 2020 ước đạt 345 USD/tấn, giảm 1,1% so với cùng kỳ năm trước.

4

Xét về cơ cấu sản phẩm, trong tháng đầu tiên năm 2020 xuất khẩu tinh bột sản chiếm 78% và sản lát chiếm 22% tổng khối lượng xuất khẩu. Cụ thể xuất khẩu sản lát ước đạt 55 nghìn tấn, tương đương 8 triệu USD, giảm 16,7% về lượng và 27,3% về giá trị so với cùng kỳ năm trước. Giá xuất khẩu trung bình sản lát đạt 145 USD/tấn, giảm 12,7% so với cùng kỳ năm trước. Xuất khẩu tinh bột sản đạt 200 nghìn tấn và 80 triệu USD, tương đương giảm 2,8% về lượng và 8,9% về giá trị so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, giá xuất khẩu bình quân tinh bột sản giảm 6,3% so với cùng kỳ năm trước, ước đạt 427 USD/tấn.

Giá sản nguyên liệu trong nước tháng 1 năm 2020 tiếp tục ở mức thấp và giảm nhẹ so với thời điểm cuối năm 2019. Cụ thể, tại Tây Ninh giá sản thu mua tại nhà máy giao động quanh 2.650-2.750 đồng/kg, tại Kon Tum là 1.950-2.100đồng/kg. Diễn biến thời tiết thất thường, tình hình dịch bệnh kéo dài tác động đến chất lượng sản. Bên cạnh đó, áp lực do lượng sản từ Campuchia về cửa khẩu Tây Ninh tăng mạnh cũng khiến giá sản nguyên liệu trong nước tiếp tục giảm.

Dự báo thị trường sản xuất khẩu trong thời gian tới tiếp tục chịu tác động từ diễn biến phức tạp của tình hình dịch bệnh Covid-19; đồng thời, xuất khẩu sản của Việt Nam sang thị trường Trung Quốc đang phải chịu cạnh tranh gay gắt của các sản phẩm cùng loại đến từ Thái Lan và Campuchia.

4. Cà phê

Xuất khẩu cà phê tháng 1/2020 ước đạt 122 nghìn tấn với giá trị đạt 214 triệu USD, giảm 39,5% về khối lượng và giảm 39,3% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019. Đức và Hoa Kỳ tiếp tục là hai thị trường tiêu thụ cà phê lớn nhất của Việt Nam với thị phần lần lượt là 12,8% và 8,6%.

Trong tháng 1/2020, giá cà phê thế giới biến động giảm. So với tháng trước, giá cà phê Robusta giao tháng 3/2020 thị trường London giảm 77 USD/tấn xuống còn 1.305 USD/tấn. Giá cà phê giảm do có nhiều dự báo sản lượng Brazil vụ mùa năm nay tăng mạnh, xấp xỉ sản lượng kỷ lục của năm 2018, thậm chí một số dự báo có thể cao hơn do diện tích trồng cà phê tăng thêm khoảng 4%. Trong khi đó, tác động tích cực từ việc ký kết thương mại sơ bộ giữa Mỹ và Trung Quốc hầu như không được kéo dài do còn nhiều điều khoản cần phải cụ thể hơn nữa. Đặc biệt phía Mỹ vẫn duy trì mức thuế 25% lên 250 tỷ USD hàng hóa nhập khẩu từ Trung Quốc cho tới sau kỳ bầu cử tổng thống vào cuối năm nay mới xem xét lại.

Thị trường cà phê trong nước biến động giảm cùng xu hướng thị trường thế giới. So với tháng 12/2019, giá cà phê vối nhân xô các tỉnh Tây Nguyên giảm 1.200 – 1.400 đ/kg xuống còn 30.900 – 31.400 đ/kg.

Trong ngắn hạn, giá cà phê Robusta tiếp tục có xu hướng giảm do đầu cơ và quỹ gia tăng bán rông lên mức rất cao; nguồn cung vụ mới từ các nước sản xuất bắt đầu gia tăng (thu hoạch vụ mới ở Brasil bắt đầu từ giữa tháng Tư và được dự báo có sản lượng kỷ lục); đồng thời việc Việt Nam tăng tốc bán hàng sau kỳ nghỉ Tết dài ngày sẽ gây áp lực về giá cà phê Robusta.

5. Chè

Khối lượng xuất khẩu chè tháng 1/2020 ước đạt 8 nghìn tấn với giá trị đạt 13 triệu USD, giảm 32,8% về khối lượng và giảm 40% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019. Trong năm 2019, giá chè xuất khẩu bình quân đạt 1.724 USD/tấn, tăng khoảng 1% so với năm 2018, chủ yếu đến từ mức tăng của giá chè xanh. Năm 2019, giá chè xanh xuất khẩu bình quân đạt 2.022 USD/tấn, tăng 2,8% so với năm 2018, trong khi giá chè đen, chè ướp hoa, chè ô long và các loại chè khác lại lần lượt giảm 1%, 9,7%, 39,1% và 22,6%.

Về cơ cấu xuất khẩu, chè xanh vẫn là chủng loại được xuất khẩu nhiều nhất trong năm 2019, với giá trị đạt 117,7 triệu USD, chiếm 50% tổng giá trị xuất khẩu chè của Việt Nam, theo sau là chè đen (77,9 triệu USD, chiếm 33%), chè ướp hoa (3,4 triệu USD, chiếm 1,4%), chè ô long (1,5 triệu USD, chiếm 0,7%), và các loại chè khác (35,9 triệu USD, chiếm 15,2%).

Về thị trường: Pakistan, Đài Loan, Trung Quốc, Nga và Indonesia tiếp tục lần lượt là 5 thị trường lớn nhất của chè Việt Nam, với thị phần 77,3% trong tổng giá trị xuất khẩu chè của Việt Nam. Xuất khẩu chè sang các thị trường này trong năm 2019 đều tăng về cả khối lượng và giá trị so với năm 2018, ngoại trừ Trung Quốc (giảm mạnh về khối lượng nhưng tăng mạnh về giá trị). Cụ thể, xuất khẩu chè sang Pakistan đạt 48,7 nghìn tấn, tương đương 96,4 triệu USD, tăng 29,2% về lượng và tăng 18,6% về giá trị; xuất khẩu chè sang Đài Loan đạt 19,1 nghìn tấn, tương đương 29,8 triệu USD, tăng 2,5% về lượng và tăng 3,6% về giá trị; xuất khẩu chè sang Nga đạt 15,1 nghìn tấn, tương đương 22,3 triệu USD, tăng 8,6% về lượng và tăng 5,7% về giá trị; xuất khẩu chè sang Indonesia đạt 10,4 nghìn tấn, tương đương 10,3 triệu USD, tăng 15,8% về lượng và tăng 14,7% về giá trị. Trong khi đó, xuất khẩu chè sang Trung Quốc đạt 8,5 nghìn tấn, tương đương 23,8 triệu USD, giảm 24,2% về lượng nhưng tăng 17,5% về giá trị, chủ yếu nhờ xu hướng đẩy mạnh nhập khẩu các loại chè có chất lượng cao hơn để phục vụ nhu cầu tiêu dùng trong nước.

Trên thị trường thế giới, các cuộc đấu giá chè của Hiệp hội Thương mại chè Coonoor Ấn Độ (CTTA) cho năm 2020 đã khởi đầu với kết quả khả quan trong 2 phiên đầu năm, với mức giá trung bình đạt 1,18 USD/kg, tăng 0,03 USD/kg so với phiên bán cuối cùng của năm 2019 trước khi đóng cửa cho Giáng sinh và Tết dương lịch. Tuy nhiên, giá đã nhanh chóng giảm trở lại trong hai phiên cuối tháng. Tình hình bất ổn ở các thị trường nước ngoài chính đã làm giảm sự nhiệt tình của các nhà xuất khẩu. Giá chè giao ngay tại các phiên đấu giá trong tháng 1/2020 tại Mombasa, Kenya đạt trung bình 4,42 USD/kg, giảm 1,33% so với tháng trước. Theo một số chuyên gia, ngành chè Kenya sẽ bị tác động khi căng thẳng giữa Hoa Kỳ và Iran tăng cao.

Tại thị trường trong nước, giá chè nguyên liệu trong tháng đầu năm không có nhiều biến động dù thời điểm sát Tết Nguyên đán, nhờ nguồn cung dồi dào. Tại Thái Nguyên, giá chè cành chất lượng cao tăng 20.000 đ/kg lên mức 220.000 đ/kg, chè xanh búp khô vẫn ổn định ở mức 105.000 đ/kg, chè xanh búp khô (đã sơ chế loại 1) là 140.000 đ/kg. Tại Bảo Lộc (Lâm Đồng), giá chè cành tăng 200 đ/kg lên 9.000 đ/kg, trong khi giá chè hạt giảm 200 đ/kg xuống 7.000 đ/kg.

Dự báo, xuất khẩu chè trong năm 2020 có khả năng sẽ tăng trưởng khả quan hơn, nhờ giá chè thế giới phục hồi. Theo dự báo mới nhất của Ngân hàng thế giới, giá chè thế giới năm 2020 sẽ đạt khoảng 2,60 USD/kg, tăng nhẹ so với mức 2,55 USD/kg trong năm 2019. So với năm 2018, giá chè thế giới năm 2019 đã giảm khoảng 11%. Nguyên nhân giảm chủ yếu là do sự gia tăng sản lượng chè toàn cầu nhờ thời tiết thuận lợi ở các nước sản xuất chính, bao gồm Ấn Độ và một số nước sản xuất thuộc khu vực Đông Phi, cùng với nhu cầu giảm từ một số nước tiêu dùng ở Trung Đông.

6. Tiêu

Khối lượng tiêu xuất khẩu tháng 1/2020 ước đạt 14 nghìn tấn, với giá trị đạt 34 triệu USD, giảm 26,1% về khối lượng và giảm 39,4% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019. Giá tiêu xuất khẩu bình quân năm 2019 đạt 2.516 USD/tấn, giảm 23,6% so với năm 2018. Năm thị trường xuất khẩu tiêu của Việt Nam trong năm 2019 là Hoa Kỳ, Ấn Độ, Đức, Hà Lan và Pakistan, thị phần xuất khẩu sang 3 thị trường này chiếm 38,2% giá trị xuất khẩu tiêu. Ngoại trừ Đức, xuất khẩu tiêu sang 4 thị trường còn lại đều giảm mạnh về giá trị do xu hướng giảm giá chung trên toàn cầu.

Trên thị trường thế giới, trong tháng 1/2020, giá tiêu có sự biến động trái chiều giữa các thị trường. Trong khi giá tiêu giao ngay tại cảng Kochi (Ấn Độ) và cảng Sài Gòn (Việt Nam) đều có xu hướng giảm; thì giá tiêu tại cảng ASTA (Brazil) và cảng Kuching ASTA (Malaysia) giữ ổn định và giá tiêu giao ngay tại cảng Lampung ASTA (Indonesia) lại có xu hướng tăng. Cụ thể, tại Brazil và Malaysia, giá tiêu giữ ổn định ở mức lần lượt là 2.250 USD/tấn và 3.685 USD/tấn; tại Indonesia, giá tiêu tăng từ 2.182 USD/tấn lên 2.220 USD/tấn; tại Ấn Độ, giá tiêu giảm từ 4.911 USD/tấn xuống còn 4.643 USD/tấn. Giá tiêu tại Ấn Độ giảm chủ yếu do nhu cầu ở mức thấp của các thị trường tiêu thụ ở Bắc Ấn Độ cùng với áp lực từ lượng tiêu nhập lậu từ bên ngoài nước này. Bên cạnh đó, lượng hàng từ vụ thu hoạch mới được đưa ra thị trường cũng gây áp lực lên giá hồ tiêu tại nước này.

Tại thị trường trong nước, giá hạt tiêu biến động giảm trong tháng 1/2020 với mức giảm 500 đ/kg. Giá tiêu tại Bà Rịa Vũng Tàu hiện là 41.500 đ/kg; tại Đắk Lắk, Đắk Nông hiện ở mức 40.000 đ/kg; tại Bình Phước là 40.500 đ/kg; tại Gia Lai và Đồng Nai là 39.000 đ/kg.

Năm 2020, giá hạt tiêu được dự báo sẽ vẫn ở mức thấp, khó có khả năng phục hồi khi sản lượng hạt tiêu toàn cầu dự kiến vẫn dồi dào trong khi nhu cầu tiêu thụ không tăng. Tại Ấn Độ, sản lượng hạt tiêu năm 2020 được dự báo tăng khoảng 30% so với năm 2019, đạt 61.000 – 62.000 tấn do thời tiết thuận lợi tại bang Kerala. Tại Brazil, sản lượng hạt tiêu cũng được dự báo sẽ tăng mạnh.

7. Điều

Trong tháng 01/2020, khối lượng điều nhân Việt Nam xuất ước đạt 27 nghìn tấn với giá trị 188 triệu USD, giảm 17,3% về khối lượng và giảm 29,5% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019. Hoa Kỳ, Trung Quốc và Hà Lan vẫn là 3 thị trường nhập khẩu điều lớn nhất của Việt Nam, chiếm thị phần lần lượt là 31,3%, 18% và 10,6% tổng giá trị xuất khẩu hạt điều.

Khối lượng điều thô nhập khẩu trong tháng 01/2020 ước đạt 98 nghìn tấn với giá trị đạt 222 triệu USD, tăng 48,5% về khối lượng và tăng 104,4% về giá trị so với

cùng kỳ năm 2019. Thị trường nhập khẩu hạt điều lớn nhất trong tháng 1 năm 2020 là Bờ Biển Ngà, chiếm 27,9% thị phần nhập khẩu của cả nước, tăng 26,6% về khối lượng nhưng giảm 11,5% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019.

Trong tháng 1, giá điều nguyên liệu diễn biến giảm nhẹ so với tháng trước. Cụ thể, điều khô mua xô tại Đắc Lắc từ 33.700 đ/kg vào đầu tháng giảm xuống 33.500 đ/kg; tại Đồng Nai giá điều thô ổn định ở mức 46.000 đ/kg.

Trên thị trường thế giới, giá điều Ấn Độ diễn biến trái chiều trong tháng 1. Trong đó, điều nhân WW180 tăng 0,21 USD/kg lên mức 14,58 USD/kg; điều nhân loại WW210 giữ ở mức 13,04 USD/kg; điều nhân loại WW240 ở mức 10,73 USD/kg; trong khi điều nhân loại WW320 giảm 0,07 USD/kg xuống còn 9,12 USD/kg.

Theo Hiệp hội điều Việt Nam (Vinacas) lượng nhập khẩu điều còn lựa và điều nhân trắng tăng nhanh. Hiện tại điều lựa và điều nhân trắng được áp mã HS chung với hạt điều thô. Do đó, một số doanh nghiệp nhập khẩu hạt điều đã qua chế biến để đóng gói, sau đó xuất khẩu mang nhãn mác Việt Nam. Tình trạng này sẽ gây khó khăn cho việc kiểm soát chất lượng vệ sinh, an toàn thực phẩm và gây ảnh hưởng đến uy tín, thương hiệu chung của sản phẩm điều Việt Nam trên thị trường thế giới. Trước thực trạng nêu trên, Vinacas đang kiến nghị nâng thuế nhập khẩu đối với sản phẩm điều nhân để bảo vệ ngành chế biến điều trong nước.

Dự báo giá quốc tế sẽ duy trì ổn định từ tháng 2 đến tháng 4 do nguồn cung của các nhà máy dùi dào trong thời gian này. Bên cạnh đó, căng thẳng thương mại giữa Hoa Kỳ với Ấn Độ cũng tác động một phần đến ngành điều thế giới. Ấn Độ đã tăng thuế nhập khẩu đối với các loại hạt từ Hoa Kỳ và giảm xuất khẩu điều nhân để đáp ứng nhu cầu tiêu thụ nội địa. Đây là cơ hội cho Việt Nam tăng xuất khẩu điều nhân sang các thị trường khác vì Ấn Độ là đối thủ cạnh tranh chính của Việt Nam trên thị trường thế giới.

8. Cao su

Khối lượng xuất khẩu cao su tháng 01/2020 ước đạt 109 nghìn tấn với giá trị 158 triệu USD, giảm 30,6% về khối lượng và giảm 20,9% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019. Giá cao su xuất khẩu bình quân đạt 1.353 USD/tấn, xấp xỉ bằng với giá xuất khẩu năm 2019. Trung Quốc, Ấn Độ, và Hàn Quốc là 3 thị trường tiêu thụ cao su lớn nhất của Việt Nam, chiếm thị phần lần lượt là 67,4%, 7,8% và 2,9%.

Khối lượng nhập khẩu cao su trong tháng 01/2020 ước đạt 62 nghìn tấn với giá trị đạt 105 triệu USD, tăng 0,4% về khối lượng và tăng 1,3% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019. Bốn thị trường nhập khẩu cao su chủ yếu của trong tháng 1 năm 2020 là Hàn Quốc, Campuchia, Nhật Bản và Lào, chiếm 59,4% kim ngạch nhập khẩu cao su của Việt Nam.

Thị trường mủ cao su nguyên liệu trong nước không biến động trong tháng 1/2020. Cụ thể, tại Bình Phước, giá mủ duy trì mức 290 đồng/độ. Giá mủ tại Đồng Nai tiếp tục không thay đổi ở mức 12.000 đồng/kg.

Giá cao su physical trên thị trường châu Á tăng cùng với xu thế trên thị trường kỳ hạn. Cụ thể, RSS3 Thái Lan ngày 17/01 ở mức 1,65 USD/kg, tăng 0,07 USD/kg; STR20 Thái Lan ở mức 1,52 USD/kg, tăng 0,03 USD/kg; SMR20 Malaysia ở mức 1,52 USD/kg, tăng 0,06 USD/kg, SIR20 Indonesia ở mức 1,54 USD/kg, tăng 0,04 USD/kg so với ngày 03/01.

Dự báo trong quý 1/2020, do ảnh hưởng của dịch Covid-19, hoạt động xuất nhập khẩu giữa Việt Nam – Trung Quốc qua các cửa khẩu biên giới nói chung, trong đó có hoạt động xuất khẩu cao su của Việt Nam sang Trung Quốc sẽ bị ảnh hưởng theo chiều hướng tiêu cực.

Tuy nhiên trong thời gian còn lại của năm 2020, thị trường cao su Việt Nam có thể khởi sắc trở lại do:

- Hoạt động tại các cửa khẩu bình thường trở lại.
- Kinh tế Trung Quốc được kỳ vọng khởi sắc do thực hiện các biện pháp kích thích nền kinh tế, thúc đẩy nhu cầu tiêu thụ cao su của nước nhập khẩu cao su hàng đầu Việt Nam.
- Mỹ - Trung đạt được thỏa thuận thương mại giai đoạn đầu và nhu cầu tiêu thụ cải thiện từ phía Trung Quốc.

9. Sản phẩm chăn nuôi

Giá lợn nạc giao tháng 12/2019 thị trường Chicago, Mỹ biến động giảm trong tháng qua với mức giảm 3,75 UScent/lb xuống còn 67,675 UScent/lb (tương đương 34.529 đ/kg). Giá thịt lợn giảm do căng thẳng địa chính trị gia tăng ở Trung Đông gây xáo trộn thị trường hàng hóa. Trong khi đó, giá lợn hơi tại Anh tăng sau khi giảm như thường lệ sau Giáng sinh do các nguồn cung đường như đã chứng lại vì số lợn trong hệ thống từ dịp Giáng sinh đang được chế biến và dự báo giá tiếp tục được kéo lên cao do tác động của dịch tả lợn châu Phi, mặc dù đã được kiểm soát nhưng việc tái đàn còn gặp nhiều khó khăn do dịch Covid-19 đang diễn biến phức tạp tại Trung Quốc và nhiều nước trên thế giới.

Tại thị trường trong nước, trong tháng 1/2020, giá lợn hơi tại khu vực miền Bắc biến động giảm với mức giảm 4.000 – 8.000 đ/kg. Cụ thể, giá tại Hưng Yên, Tuyên Quang đạt 78.000 - 80.000 đ/kg; Sơn La, Phú Thọ, Nam Định giá ở mức 80.000 - 81.000 đ/kg. Giá lợn tại miền Trung, Tây Nguyên cũng biến động giảm với mức giảm 2.000 – 4.000 đ/kg. Giá tại miền Trung, Tây Nguyên ghi nhận ở mức 78.000 - 82.000 đồng/kg. Giá lợn hơi tại miền Nam biến động giảm với mức giảm 10.000 - 11.000

đ/kg. Tại các tỉnh miền Tây như Kiên Giang, An Giang, Đồng Tháp, Bạc Liêu, Sóc Trăng, Tiền Giang, giá lợn hơi đang ở mức 78.000 đ/kg.. Giá lợn hơi giảm một phần do các tập đoàn lớn trong ngành chăn nuôi lợn, theo khuyến nghị của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, đã tham gia bình ổn giá mặt hàng này với mức giá bán ổn định là 75.000 đ/kg.

Giá trị xuất khẩu các sản phẩm chăn nuôi tháng 1 năm 2020 ước đạt 42 triệu USD, tăng 93,6% so với cùng kỳ năm 2019.

10. Thủy sản

Giá trị xuất khẩu thủy sản tháng 1 năm 2020 ước đạt 644 triệu USD, giảm 12,5% so với cùng kỳ năm 2019. Hoa Kỳ, Nhật Bản, Trung Quốc và Hàn Quốc là 4 thị trường nhập khẩu hàng đầu của thủy sản Việt Nam trong năm 2019, chiếm 57,9% tổng giá trị xuất khẩu thủy sản. Trong năm 2019, các thị trường có giá trị xuất khẩu thủy sản tăng mạnh là Trung Quốc (tăng 22%) và Đài Loan (tăng 8,6%). Ước giá trị nhập khẩu mặt hàng thủy sản tháng 1/2020 đạt 174 triệu USD, tăng 10,9% so với cùng kỳ năm 2019.

Về chủng loại xuất khẩu, trong năm 2019, giá trị xuất khẩu tôm thẻ chân trắng chiếm 27,48% tổng kim ngạch; cá tra chiếm 23,37%; cá ngừ chiếm 8,39%; cá các loại khác chiếm 19,42%; mực và bạch tuộc chiếm 6,72%; nhuyễn thể hai mảnh vỏ chiếm 1,09%; cua, ghẹ và giáp xác khác chiếm 1,74%. Thị trường xuất khẩu thủy sản lớn nhất là Mỹ (17,18%); Nhật Bản (17,04%); EU (15,12%); Trung Quốc (14,63%).

Ước tính xuất khẩu thủy sản tháng 1/2020 đạt 556 triệu USD, giảm 25% so với cùng kỳ năm 2019. Nguyên nhân chủ yếu do tháng này có kỳ nghỉ Tết Nguyên đán và tình hình dịch bệnh Covid-19 đang diễn biến phức tạp. Trong đó, xuất khẩu tôm đạt khoảng 251 triệu USD, tăng 7%; xuất khẩu cá tra đạt 75 triệu USD, giảm 64%; xuất khẩu cá ngừ đạt 40 triệu USD, giảm 30%; xuất khẩu mực- bạch tuộc giảm 50% còn 33 triệu USD. Về thị trường, xuất khẩu sang thị trường EU trong tháng 1 vẫn tăng 13% đạt 127 triệu USD. Tuy nhiên, xuất khẩu thủy sản sang các thị trường chủ lực khác đều giảm đáng kể: xuất khẩu sang Mỹ giảm mạnh 36% còn 75 triệu USD; xuất khẩu sang Nhật đạt 98 triệu USD, giảm 20%; xuất khẩu sang Trung Quốc và Hồng Kông đạt 51,5 triệu USD, giảm 45%.

Theo số liệu mới nhất của Cục Nghề cá biển Hoa Kỳ (NMFS), giá trung bình của cá tra phile đông lạnh nhập khẩu trong tháng 11/2019 tại Mỹ là 2,88 USD/kg, giảm 5,5% so với tháng 10 (3,05 USD/kg) và thấp hơn 48,2% so với cùng kỳ năm trước đó. Trong khi đó, giá bình quân nhập khẩu tôm của Mỹ trong tháng 11/2019 đạt 9,0 USD/kg, tăng 1,8% so với tháng 10 và tăng 0,89% so với cùng kỳ năm trước.

Giá cá tra nguyên liệu tại ĐBSCL sau kỳ nghỉ Tết dương lịch có xu hướng giảm giá, với mức giảm là 500đ/kg xuống 18.500-19.000 đ/kg đối với cá tra loại I (800-900g/con). Thời điểm này, thị trường khá trầm lắng do nhu cầu thu mua nguyên liệu đang ở mức thấp. Các công ty bắt đầu giảm và ngưng bắt cá nguyên liệu để tập trung giao nốt các đơn hàng trước khi nghỉ Tết Nguyên đán.

Thị trường tôm trong tháng đầu năm có xu hướng tăng giá đối với tôm sống (oxy) và tôm ướp đá do nhu cầu của người dân trong nước tăng mạnh vào dịp Tết, trong khi giá tôm thẻ chân trắng giảm do nguồn cung nhiều. Tại Bạc Liêu, giá tôm sú sống (oxy) cỡ 20-40 con/kg thời điểm sát Tết nguyên đán tăng 20.000-80.000 đ/kg lên 220.000-380.000 đ/kg; giá tôm sú ướp đá cỡ 20 con/kg tăng 10.000 đ/kg lên lần lượt 240.000 đ/kg, cỡ 30 con tăng 30.000 đ/kg lên 210.000 đ/kg, cỡ 40 con/kg tăng 3.000 đ/kg lên mức 145.000 đ/kg. Sau khi tăng mạnh trong tháng trước, giá tôm thẻ ướp đá tháng này giảm trở lại, cỡ 60-70 con/kg giảm 35.000đ xuống còn lần lượt 110.000 đ/kg và 100.000 đ/kg, cỡ 100 con/kg giảm 10.000-15.000 đ/kg còn 85.000-88.000 đ/kg.

Trong tháng 2/2020, giá trị xuất khẩu thủy sản sẽ bị ảnh hưởng lớn nhất là từ thị trường Trung Quốc. Trong trường hợp khả quan nhất là dịch Covid-19 hết trong quý I, xuất khẩu thủy sản sang Trung Quốc trong quý I/2020 dự báo bị giảm ít nhất là 40% so với quý trước, đạt khoảng 265 triệu USD. Tuy nhiên, xuất khẩu thủy sản cả năm sang Trung Quốc có thể đạt 1,5 tỷ USD, tăng nhẹ 5% so với năm 2019. Nếu dịch Covid-19 kéo dài, xuất khẩu thủy sản sang Trung Quốc nửa đầu năm sẽ giảm 30% còn 400 triệu USD. Tổng xuất khẩu thủy sản sang Trung Quốc cả năm dự báo sẽ đạt khoảng 1,33 tỷ USD, giảm 6%. Ngoài ra, xuất khẩu thủy sản sang các thị trường khác cũng bị ảnh hưởng. Dự báo trong dài hạn, xuất khẩu thủy sản của Việt Nam năm 2020 sẽ tăng 3-4% đạt 9 tỷ USD.

11. Gỗ và sản phẩm gỗ

Giá trị xuất khẩu gỗ và các sản phẩm gỗ tháng 1/2020 ước đạt 827 triệu USD, giảm 16,2% so với cùng kỳ năm 2019. Hoa Kỳ, Nhật Bản, Trung Quốc và Hàn Quốc tiếp tục là 4 thị trường nhập khẩu gỗ và sản phẩm gỗ lớn nhất của Việt Nam tháng 1/2020 với 80,9% tổng giá trị xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ. Các thị trường có giá trị xuất khẩu gỗ trong năm 2019 tăng mạnh là Hoa Kỳ (tăng 36,9%), Nhật Bản và Canada (tăng 15,6%); Bỉ (tăng 14,4%), Đài Loan (tăng 13,8%) và Thái Lan (tăng 11,4%).

Giá trị nhập khẩu tháng 1/2020 đạt 212 triệu USD, giảm 15,3% so với cùng kỳ năm 2019. Trung Quốc và Hoa Kỳ là 2 thị trường lớn nhất của Việt Nam với thị phần lần lượt là 34,3% và 17,7%.

Trong tháng 1/2020, cả xuất khẩu và nhập khẩu gỗ của Việt Nam đều giảm so với cùng kỳ năm 2020. Nguyên nhân chính dẫn đến sự suy giảm này là do kỳ nghỉ lễ Tết Nguyên đán vào diễn ra từ tuần cuối tháng 1/2020 khiến các hoạt động thương mại của các công ty xuất khẩu của Việt Nam tạm thời đình trệ trong khoảng thời gian này.

Nhìn lại năm 2019, xuất khẩu gỗ và các sản phẩm gỗ của Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu cũng như nắm bắt được cơ hội để thúc đẩy xuất khẩu sang các thị trường chủ lực như Mỹ và EU thông qua việc ký kết các FTA thế hệ mới như CPTPP, EVFTA. Bên cạnh đó, Việt Nam cũng tận dụng tốt cơ hội từ căng thẳng thương mại Mỹ - Trung. Năm 2020 đối với xuất khẩu gỗ và các sản phẩm từ gỗ dự báo sẽ có nhiều triển vọng tích cực nhờ động lực tích tụ trong thời gian qua và đặc biệt trong năm 2019.

Trên thị trường thế giới, theo thống kê từ Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC), nhập khẩu đồ gỗ nội thất và đặc biệt là ghé gỗ được dự báo sẽ có tăng trưởng tốt. Trong đó, Mỹ và EU là hai thị trường nhập khẩu hàng đầu và đây cũng chính là hai thị trường chính đối với xuất khẩu gỗ và các sản phẩm từ gỗ của Việt Nam. Theo Bộ Công Thương triển vọng xuất khẩu ghé khung gỗ của Việt Nam trong năm 2020 rất khả quan do nhu cầu ghé khung gỗ trên thị trường toàn cầu rất lớn, tuy nhiên kim ngạch xuất khẩu ghé khung gỗ của Việt Nam mới chỉ chiếm tỉ trọng nhỏ trong tổng nhập khẩu toàn cầu. Đây là cơ hội lớn để các doanh nghiệp xuất khẩu ghé khung gỗ của Việt Nam đẩy mạnh trong thời gian tới.

Căng thẳng thương mại Mỹ - Trung Quốc vẫn còn tiếp diễn, Mỹ giảm tỉ trọng nhập khẩu ghé khung gỗ từ Trung Quốc, tăng nhập khẩu ghé khung gỗ từ các thị trường khác, trong đó có Việt Nam tiếp tục là yếu tố có lợi cho xuất khẩu gỗ của Việt Nam sang thị trường Mỹ. Ngoài ra, dịch bệnh Covid-19 được dự báo là có nhiều ảnh hưởng đến thương mại toàn cầu, khi mà Trung Quốc hiện nay đang là đối tác thương mại của nhiều nước trên thế giới. Các Hiệp định thương mại đã thực thi như CPTPP và sắp thực thi như EVFTA cũng mang lại những triển vọng trong năm 2020 cho xuất khẩu gỗ của và các sản phẩm từ gỗ của Việt Nam.

Để tận dụng tốt cơ hội nêu trên, ngành gỗ cần kiểm soát tốt rủi ro về gian lận thương mại, gian lận nguồn gốc xuất xứ và từng bước chuyển đổi ngành công nghiệp chế biến theo hướng áp dụng công nghệ mới nhằm bắt kịp những thay đổi nhanh chóng của thị hiếu người tiêu dùng về mẫu mã sản phẩm.

MỘT SỐ LƯU Ý TRONG THÁNG TỚI

Đối với một số ngành hàng có những điểm cần lưu ý trong tháng tới như sau:

- **Ngành gạo:** Diễn biến khó lường của tình hình dịch bệnh Covid-19, hoạt động xuất khẩu gạo của Việt Nam sang Trung Quốc sẽ gặp khó khăn. Các doanh nghiệp cần chủ động tìm kiếm các thị trường xuất khẩu khác.
- **Rau quả:** Do tác động dịch bệnh Covid-19, xuất khẩu sang Trung Quốc dự báo sẽ gặp khó khăn. Vì vậy các địa phương, Hiệp hội ngành hàng, doanh nghiệp xuất khẩu cần phối hợp các cơ quan quản lý nhà nước tại trung ương và địa phương điều tiết nguồn hàng thúc đẩy tiêu thụ trong nước, đảm bảo tiêu thụ trái cây cho nông dân.
- **Chăn nuôi:** Trong thời gian tới, các hộ và doanh nghiệp chú ý công tác phòng bệnh H5N1 đối với chăn nuôi gia cầm, tránh lây lan thành dịch lớn.
- **Gỗ và các sản phẩm từ gỗ:** Để tận dụng tốt cơ hội nêu trên, ngành gỗ cần kiểm soát tốt rủi ro về gian lận thương mại, gian lận nguồn gốc xuất xứ và từng bước chuyển đổi ngành công nghiệp chế biến theo hướng áp dụng công nghệ mới nhằm bắt kịp những thay đổi nhanh chóng của thị hiếu người tiêu dùng về mẫu mã sản phẩm.
